

T, ngày 30 tháng 8 năm 2022

Số: 990/2022/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ H**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 880/2022/HNST ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Bà Trần Ngọc Thanh T, sinh năm 1994;  
Địa chỉ: số 192/52/5 đường P, phường P, quận T, Thành phố H.

- *Người yêu cầu*: Ông Lương Thế N, sinh năm 1998;  
Địa chỉ thường trú: Thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh B.  
Chỗ ở hiện nay: số 355/30 đường K, phường P, quận T, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc Thanh T và ông Lương Thế N tự nguyện sống chung từ năm 2020, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 178 ngày 18/11/2020 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố H cấp.

Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng đầu năm 2022 giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do lối sống không phù hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn càng ngày trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà T và ông N xác nhận không có.

[3] Về tài sản chung: Bà T và ông N tự thỏa thuận.

[4] Về nợ chung: Bà T và ông N xác nhận không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Ngọc Thanh T và ông Lường Thế N thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà T và ông N chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 178 ngày 18/11/2020 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố H cấp cho bà T và ông N không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung:* Bà T và ông N xác nhận không có con chung.

- *Về tài sản chung:* Bà T và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà T và ông N xác nhận không có.

### **2. Về lệ phí Tòa án:**

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Trần Ngọc Thanh T và ông Lường Thế N chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng bà T và ông N đã nộp theo Biên lai thu số 0035990 ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND phường P, quận T, Thành phố H;
- Lưu: VP, HS (Đào).

**THẨM PHÁN**

**Ngô Thị Thùy Trang**